

# BÀN VỀ VĂN HOÁ TƯ PHÁP VÀ VĂN HOÁ XÉT XỬ

Phan Hữu Thu\*

## 1. VĂN HOÁ VÀ VĂN HOÁ TƯ PHÁP

Văn hóa là một khái niệm rất rộng lớn. Văn hoá gắn liền với sự phát triển của loài người và phản ánh sự văn minh qua các thời kỳ xã hội. Theo quan niệm của Taylor, một nhà nghiên cứu nhân loại học thì “Văn hoá là một tổng thể phức tạp, bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục và cả những năng lực cũng như thói quen mà con người đạt được trong xã hội”<sup>1</sup>. Có rất nhiều cách định nghĩa văn hoá khác nhau. Mỗi một định nghĩa về văn hoá đều muốn nhấn mạnh đến một lĩnh vực nào đó của đời sống xã hội<sup>2</sup>.

\* Tiến sỹ Luật học, Giám đốc Học viện Tư pháp

<sup>1</sup> Một số bài giảng Lý luận văn hoá và đường lối văn hoá của Đảng, Phân viện Hà Nội, Khoa Văn hoá XHCN, Hà Nội, 2000, tr.56.

<sup>2</sup> Abraham Moles (nhà văn hoá người Pháp) có nói: “Văn hoá đó là chiều cạnh trí tuệ của môi trường nhân tạo, do con người xây dựng nên trong tiến trình đời sống xã hội của mình”. Federico Mayor (nguyên Tổng giám đốc UNESCO): “Văn hoá phản ánh và thể hiện một cách tổng quát và sôi động mọi mặt của cuộc sống con người đã diễn ra trong quá khứ và cũng như đang diễn ra trong hiện tại, qua hàng bao thế kỷ, nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ, lối sống mà dựa trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình”. Nehru (cố Thủ tướng, danh nhân văn hoá Ấn Độ): “Văn hoá – đó có phải là sự phát triển nội tại của con người hay không? Tất nhiên rồi. Đó có phải là cách ứng xử của anh ta với người khác không? Nhất định là phải. Đó có phải là khả năng làm cho người khác hiểu mình không? Tôi cho là như vậy”. Vũ Khiêu (nhà khoa học Việt Nam): “Văn hoá thể hiện trình độ được vun trồng của con người, của xã hội... Văn hoá là trạng thái của con người ngày càng tách ra khỏi giới động vật, ngày càng xoá bỏ những đặc tính của động vật, để khẳng định những đặc tính của con người”. Phạm Văn Đồng (cố thủ tướng, danh nhân văn hoá Việt Nam): “Theo nghĩa rộng, nói một cách đơn giản, văn hoá là tất cả những gì không phải là tự nhiên, nghĩa là tất cả những gì do con người, ở trong con người và liên quan trực tiếp đến con người”. Hồ Chí Minh (anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới): “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và

Qua các cách nhìn nhận về văn hoá, chúng tôi nhận thấy văn hoá là một phần của cuộc sống xã hội, nó thể hiện trình độ văn minh của xã hội đó, nó phản ánh những suy tư, trăn trở của các thành viên xã hội đối với cuộc sống hiện tại của họ, đối với quá khứ đã qua cũng như tương lai sắp đến. Văn hoá là một phạm trù giai cấp và được kế thừa cũng như loại bỏ qua các thời kỳ khác nhau. Từ đó, chúng tôi cho rằng *văn hoá là một quá trình từ nhận thức của con người đến việc phản ánh nhận thức đó trong đời sống xã hội*. Văn hoá gắn liền với nhận thức, vì vậy văn hoá chỉ tồn tại và phát triển trong xã hội loài người, văn hoá là thuộc tính căn bản của con người.

Văn hoá có mặt trong muôn mặt của đời sống thường nhật. Văn hoá hiện diện trong đời sống xã hội với nhiều nhận thức phân biệt khác nhau. Người ta có thể phân biệt giữa văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, văn hoá xã hội. Có thể phân biệt văn hoá sản xuất, văn hoá xã hội, văn hoá tư tưởng, văn hoá nghệ thuật. Có người chia văn hoá thành văn hoá vật chất, văn hoá nhận thức, văn hoá ứng xử, văn hoá đời sống. Tuy vậy, hai quan niệm về văn hoá được chấp nhận nhiều hơn cả trong đời sống xã hội là i) quan niệm về văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể và ii) quan niệm phân biệt văn hoá thành văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần.

Từ lâu nay chúng ta vẫn thường nghe nhắc nhiều đến “văn hoá tư pháp” hoặc “văn hoá pháp lý”<sup>3</sup> trong sách báo pháp lý. Nhưng

phát huy ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”.

<sup>3</sup> Theo Alexxev S.S., trong Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta, Đồng Ánh Quang dịch, Nguyễn Đình Lộc hiệu đính, NXB Pháp Lý, Hà Nội, 1986, tr.92 thì “Văn hoá pháp lý là một loại tài sản pháp lý. Nó đặc trưng cho bầu không khí chung của pháp luật, là sự

thực chất của khái niệm đó ít được nói đến một cách kỹ lưỡng và hầu như chưa được đề cập đến một cách chính thức như những khái niệm mà chúng ta quen dùng như: “ý thức pháp luật”, hoặc “bản chất pháp luật”. Văn hoá tư pháp, theo chúng tôi, là một khái niệm mới xuất hiện trong những năm gần đây và được “nhập khẩu” từ một số nước châu Âu. Người Pháp vẫn thường dùng thuật ngữ: “Culture judiciaire” để nói về những quan điểm, cách xử sự, ứng xử hoặc trình độ nhận thức của một người, một tập thể trong các hoạt động tư pháp như điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...

Ở Việt Nam, khái niệm văn hoá tư pháp được hiểu như là tổng hợp các quan điểm, nhận thức, cách nhìn, lối xử sự, thái độ tôn trọng đối với pháp luật nói chung và ý thức tự giác đối với việc chấp hành các quyết định của cơ quan tư pháp nói riêng. Văn hoá tư pháp không những chỉ hình thành trong nhân dân, đối tượng của hoạt động tư pháp, mà còn hình thành trong nội bộ những người thực hiện hoạt động đó. Đội ngũ này bao gồm các thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, điều tra viên... Có nghĩa là đội ngũ những người làm công tác bảo vệ pháp luật. Cũng như trình độ văn hóa nói chung có ảnh hưởng đến quan niệm sống, lối sống, lập trường, quan điểm, nhận thức xã hội và nhận thức chính trị của từng cá nhân trong xã hội, văn hoá nói chung cũng như văn hóa tư pháp nói riêng hình thành theo từng thời kỳ, đối với từng cá nhân, từng tập thể và lớn hơn là đối với cả một dân tộc, một quốc gia. Do đó, mỗi một dân tộc, mỗi một quốc gia có nền văn hoá riêng của mình, trong đó bao gồm cả văn hoá tư pháp.

Phải nói rằng trình độ văn hoá tư pháp của nhân dân Việt Nam đã có những bước

---

thể hiện vào cuộc sống xã hội Xã hội chủ nghĩa những thuộc tính có ích về mặt xã hội và các đặc trưng của pháp luật. Như vậy, sức mạnh hiện thực của pháp luật không chỉ phụ thuộc vào bản thân pháp luật (...) và không chỉ phụ thuộc vào hiệu quả của thực tiễn pháp luật, mà chính ở mức rất lớn phụ thuộc vào trạng thái ý thức pháp luật, vào trình độ văn hoá pháp lý chung của toàn dân”.

phát triển trong thời gian qua. Do sự hiểu biết về luật pháp của nhân dân ta không ngừng được cải thiện. Thái độ tôn trọng sự công bằng, mong muốn thiết lập sự công bằng trong nhân dân đã tạo tiền đề hình thành văn hoá tư pháp. Thêm vào đó, ý thức tuân theo pháp luật, mong muốn sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, muốn mọi người cũng tôn trọng pháp luật như mình... đã tạo nên một nền tư pháp lành mạnh<sup>4</sup>.

Tuy nhiên, để xây dựng một nền văn hoá tư pháp xã hội chủ nghĩa, theo chúng tôi cần phải từng bước chú trọng đến những điểm sau:

- Cần phải có một môi trường tư pháp bền vững và lành mạnh. Ở đây, môi trường tư pháp được hiểu là bao gồm một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh cộng với hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật thực sự phù hợp để “vận hành” hệ thống pháp luật đó. Có lẽ nói về một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh ở Việt Nam bây giờ là hơi sớm nhưng trong tương lai gần điều đó không phải là không thực hiện được. Việc ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội đang được xúc tiến và chúng ta đã thực sự nhìn thấy sự tiến triển trong lĩnh vực này. Hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật ở nước ta cũng đang từng bước được kiện toàn và có những thay đổi mới nhất định để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

- Những người thi hành pháp luật (những người làm việc trong các ngành công an, Tòa án, Viện kiểm sát...) phải được đào tạo về luật pháp để nắm vững luật pháp và không ngừng tự cập nhật các kiến thức mới về luật pháp để thi hành đúng pháp luật. Ngoài ra họ

---

<sup>4</sup> Trước đây, khi nhìn thấy một kẻ gian móc túi ở chỗ công cộng, những người xung quanh không giám tố giác hoặc cộng tác với những người có trách nhiệm bắt giữ kẻ gian. Hiện nay, thái độ của nhân dân đối với những hành vi tương tự đã thay đổi. Ngoài ra, nhân dân còn giúp đỡ những người vì thi hành những nhiệm vụ trên mà nguy hiểm đến tính mạng và sức khoẻ. Việc cả xã hội, từ người đứng đầu Đảng và Nhà nước cho đến những người công dân bình thường trực tiếp giúp đỡ gia đình liệt sĩ Nguyễn Văn Ngừ bằng chính đồng lương của mình trong thời gian vừa qua là một thí dụ sinh động.

cũng cần phải có ý thức về đào tạo nghề nghiệp.

- Không ngừng nâng cao những hiểu biết về pháp luật và ý thức pháp luật cho nhân dân. Làm cho người dân thấy được rằng pháp luật có tính bắt buộc đối với tất cả mọi người và mọi người đều được bình đẳng trước pháp luật, mọi công dân cũng cần phải biết xử sự đúng pháp luật trước những tình huống mà họ gặp phải. Ở đây, vấn đề tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong nhân dân cũng như trong nhà trường có một ý nghĩa quan trọng.<sup>5</sup>

Người ta so sánh người thẩm phán cũng như người thầy thuốc. Trong bất kỳ giờ phút nào cũng phải phục vụ nghề nghiệp của mình một cách vô điều kiện tuyệt đối trung thành với lý tưởng đã chọn. Đối với một thẩm phán điều quan trọng là phải biết khắc phục những mất mát trong nghề nghiệp của mình, khắc phục sự phiến diện trong suy luận, thói hình thức, thói quen buộc tội. Tính khách quan, sự lịch thiệp, sự tế nhị cao trong xử sự cá nhân và những điều khác làm hình thành nên cơ sở đạo đức trong hoạt động của người thẩm phán<sup>6</sup>.

Văn hoá tư pháp, đạo đức của người thẩm phán, sự hiểu biết sâu rộng ở nhiều lĩnh vực, lòng dũng cảm, tính vô tư cũng như phẩm chất trung thực của họ luôn luôn quyện vào nhau tạo nên vẻ đẹp của người thẩm phán. Khi xét xử vụ án, nếu tôi là thẩm phán, tôi chỉ có một quyết định, đó là quyết định duy nhất đúng. Tôi - Người thẩm phán, không thể làm khác bởi vì “logic của sự vật, cảm xúc bên trong và lẽ phải của cuộc sống, đạo lý của pháp luật dứt khoát và không ngừng nhắc nhở tôi, thúc giục tôi quyết định cần phải đúng và lương tâm của tôi, lương tâm của người thẩm phán và của một con

người bắt buộc tôi chống lại bất kỳ một cái gì khác ngoài các quyết định cần có”<sup>7</sup>.

## 2. VĂN HOÁ XÉT XỬ

### 2.1 Quan niệm về văn hoá xét xử

Văn hoá xét xử là một bộ phận của văn hoá tư pháp và là một loại hình văn hoá rất đặc thù. Nó chỉ hình thành, tồn tại và phát triển trong một lĩnh vực đặc thù: đó là lĩnh vực xét xử; áp dụng cho một đối tượng chủ thể tương đối hẹp là những người làm công tác xét xử hoặc liên quan đến xét xử. Xét ở nghĩa rộng, văn hoá xét xử có thể được coi là một bộ phận của văn hoá ứng xử, là một bộ phận của văn hoá tinh thần, tồn tại bên cạnh văn hoá tư tưởng, văn hoá giáo dục, văn hoá khoa học, văn hoá nghệ thuật, văn hoá đạo đức, lễ hội, phong tục tập quán... Hiện nay, trong một số công trình nghiên cứu gần đây có người còn nêu khái niệm mà nội dung của nó thực chất là nội dung của văn hoá xét xử đấy là khái niệm giao tiếp của thẩm phán khi xét xử<sup>8</sup>. Trong bài viết này, tác giả cho rằng. kỹ năng giao tiếp của thẩm phán bao gồm các kỹ năng như kỹ năng định hướng giao tiếp; kỹ năng nhận biết những dấu hiệu bên ngoài và những đặc điểm tâm lý bên trong; kỹ năng định vị và khả năng xây dựng mô hình nhân cách của đối tượng giao tiếp; kỹ năng điều khiển, điều chỉnh trong giao tiếp và kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ nói, viết hay phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, tư thế.... để tác động đến đối tượng giao tiếp. Theo chúng tôi, giao tiếp hay kỹ năng giao tiếp cũng là một bộ phận cấu thành của văn hoá xét xử.

Là một bộ phận của văn hoá đạo đức, văn hoá tinh thần, hay như hiện nay thường gọi là văn hoá phi vật thể, do đó, văn hoá xét xử cũng có đầy đủ các chức năng của văn hoá, như chức năng giáo dục, chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ. Ngoài ra, với tư cách là một bộ phận của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, văn hoá xét xử cũng phải tuân theo các tư tưởng chỉ đạo cơ bản đã được

<sup>5</sup> Trong bài viết của mình đăng trên Tạp chí Luật học (Đại học Luật Hà Nội), số 4 năm 1995, PGS.TS Trần Ngọc Đường có đề cập ba yếu tố tạo nên trình độ và văn hoá pháp lý của một người, đó là:

- Tri thức pháp luật của công dân;
- Tình cảm tôn trọng pháp luật của công dân;
- Hành vi xử sự theo đúng những đòi hỏi của pháp luật của công dân.

<sup>6</sup> Alexxev S.S, Sách đã dẫn, tr.70

<sup>7</sup> Alexxev S.S, Sách đã dẫn, tr 170,171

<sup>8</sup> Tạp chí dân chủ và pháp luật, số 2-2001, tr. 22-23.

Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đề ra: (i) Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; (ii) Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (iii) Nền văn Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; (iv) Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng và (v) Văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Như vậy, văn hoá xét xử được hiểu là một bộ phận cấu thành của văn hoá đạo đức, văn hoá tinh thần, văn hoá phi vật thể. Văn hoá xét xử tuy là một bộ phận mang nhiều nét đặc thù nhưng vẫn phản ánh đầy đủ các tố chất của nền văn hoá Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Về mặt nội dung có thể coi văn hoá xét xử là một cấu thành quan trọng của hoạt động xét xử của người thẩm phán cùng với những nội dung khác như kỹ năng và bản lĩnh nghề nghiệp.

Nói đến văn hoá xét xử không thể không đề cập đến:

- *Toà án và Hội trường xử án (phòng xét xử)*

Có nhiều người dùng thuật ngữ pháp đình để chỉ toà án, trong đó có hội trường xử án.. Mọi người sẽ cho rằng nói đến Hội trường xử án thì có phải là nói đến văn hoá xét xử không. Tất nhiên bản thân hội trường xử án hay bản thân toà án không tạo nên văn hoá xét xử mà văn hoá xét xử được hình thành trong quá trình hoạt động của thẩm phán và hội đồng xét xử trong bối cảnh của một hội trường xử án hoặc một toà án nhất định. Mọi trường đó có đủ uy nghi để cho người tiến hành tố tụng và người tham dự phiên toà cảm thấy mình đang ở trong một bầu không khí trang nghiêm, trang trọng và có văn hoá hay không? Sự uy nghi của toà án phải thể hiện từ kiến trúc của toà án, bài trí của phòng xử án đến bàn ghế, không gian chung của toàn cảnh.

- *Thẩm phán và Hội đồng xét xử*

Thẩm phán và hội thẩm nhân dân là thành viên của hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử điều khiển phiên toà dưới sự chủ tọa của thẩm phán. Mỗi một hành vi của thẩm phán nói riêng và của hội đồng xét xử đều là sự chú ý của cả hội đồng xử án. Bản thân thẩm phán hay hội thẩm nhân dân cần được nhìn nhận như một chủ thể của văn hoá xét xử ở cả hình thức và nội dung trong tổng thể môi trường mà họ làm việc. Vì vậy ở đây đòi hỏi người thẩm phán và hội thẩm nhân dân phải có văn hoá, có bản lĩnh, có trình độ, có đạo đức và tham gia vào hoạt động giao tiếp tư pháp một cách thuận thực theo đúng các kỹ năng sẽ phân tích dưới đây.

## **2.2. Các yếu tố tạo thành của văn hoá xét xử**

### *2.2.1 Các yếu tố mang tính hình thức*

#### 2.2.1.1 Trang phục

Trang phục cũng là một yếu tố của văn hoá. Người Việt ta có câu: “Người đẹp vì lụa”. Câu nói đó cũng đúng trong hoàn cảnh này, bởi vì trang phục góp phần làm tôn thêm vẻ đẹp bên ngoài của mỗi người. Vẻ đẹp bên ngoài của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đóng một vai trò quan trọng. Vẻ đẹp trong trường hợp này phải thể hiện được tính uy nghi, nghiêm trang nhưng cũng gần gũi. Hiện nay đang có nhiều khuynh hướng khác nhau trên thế giới về trang phục của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Phần lớn ở các nước Châu Âu và Hoa Kỳ, trang phục của Thẩm phán là áo thụng màu đen. Riêng các thành viên Bồi thẩm đoàn ở Hoa Kỳ thì vẫn mặc quần áo bình thường như khi họ đi làm, đi chơi, đến công sở (không bắt buộc phải khoác áo thụng đen). Nhìn chung ở các nước này, nơi mà Thẩm phán buộc phải mặc trang phục bằng áo thụng đen cũng đang có xu hướng trở về với trang phục bình thường (complet-cravat). Ở Việt Nam, trang phục của Thẩm phán là complet đồng phục có thắt cravat. Tuy vậy, trong thực tế, quy định này cũng không được thực hiện một cách triệt để. Việc ăn mặc tương đối tùy tiện ở một số Toà

án nhân dân đã làm giảm đi đáng kể tính uy nghiêm của Hội đồng xét xử.

### 2.2.1.2 Ngoại hình

Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Toà án nhân dân không quy định người Thẩm phán phải tuân theo những điều kiện bắt buộc nào về ngoại hình mà chỉ yêu cầu Thẩm phán phải có *sức khoẻ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao*. Ở các nước trên thế giới thì cũng chưa thấy nước nào quy định điều kiện bắt buộc về ngoại hình. Tuy vậy, thực tiễn xét xử cho thấy ngoại hình cũng như trang phục của Thẩm phán có một ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình xét xử. Đó chính là ấn tượng ban đầu về một con người để từ đó tạo nên yếu tố tâm lý đối với những người tham gia tố tụng. Yếu tố tâm lý này nhiều khi tạo thành phản ứng dây chuyền trong quan hệ đa chiều của quá trình xét xử. Từ đó tạo nên sự thành công của phiên toà. Ngoại hình của Thẩm phán không những chỉ biểu hiện ở dáng vẻ bề ngoài như cao, thấp, béo, gầy mà còn thể hiện ở cử chỉ, hành động, giọng nói, dáng đi. Một người cao hoặc thấp quá cỡ bình thường hoặc có thân hình dị dạng, hoặc có khuyết tật về thể chất đều không nên làm Thẩm phán. Tương tự thì một người nói ngọng, một người có tật nói lắp... đều không nên làm Thẩm phán. Đối với những người bình thường thì cũng cần chú ý đến ngoại hình và dáng đi, giọng nói hay cử chỉ của mình khi xuất hiện với tư cách là Thẩm phán hoặc Hội thẩm nhân dân. Những thói quen như gãi đầu, gãi tai, nặn mụn... trong khi làm nhiệm vụ đều được loại bỏ.

### 2.2.2. Các yếu tố về nội dung

#### 2.2.2.1 Khái niệm giao tiếp và kỹ năng giao tiếp

Trong tâm lý học giao tiếp được hiểu là một hiện tượng tâm lý rất phức tạp và nhiều mặt, nhiều cấp độ khác nhau. Có những dấu hiệu cơ bản về giao tiếp sau đây:

- Giao tiếp là một hiện tượng đặc thù của con người nghĩa là chỉ riêng con người mới có giao tiếp thật sự trong quá trình sử dụng

phương tiện ngôn ngữ như: nói, viết, hình ảnh....

- Giao tiếp là cách thể hiện mối quan hệ với một hoặc nhiều người khác trong xã hội.

- Giao tiếp được thể hiện qua sự trao đổi thông tin, sự hiểu biết lẫn nhau, những rung cảm và ảnh hưởng lẫn nhau.

- Giao tiếp dựa trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người. Như vậy, giao tiếp chính là một hiện tượng đặc thù, đặc trưng cho mối quan hệ giữa con người với con người qua đó làm phát sinh sự tiếp xúc tâm lý và biểu hiện qua các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm, ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau.

- Giao tiếp có các hình thức khác nhau như: giao tiếp trực tiếp và gián tiếp. Giao tiếp giữa một cá nhân với một hay nhiều giao tiếp giữa một nhóm người này với một nhóm khác, Giao tiếp còn thể hiện ở hình thức giao tiếp chính thức và giao tiếp không chính thức. Giao tiếp phi ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ.

Trong tâm lý học người ta phân biệt tiếp theo các giai đoạn sau: (i) Giai đoạn định hướng trước khi thực hiện giao tiếp. (ii) Giai đoạn mở đầu của quá trình giao tiếp. (iii) Giai đoạn điều chỉnh, điều khiển và phát triển đã thực hiện và xây dựng mô hình giao tiếp cho hoạt động tiếp theo.

Cũng trong tâm lý học thì muốn giao tiếp đạt kết quả người giao tiếp phải có được những kỹ năng. Khoa học tâm lý phân biệt mấy kỹ năng giao tiếp sau đây:

- Kỹ năng định hướng giao tiếp. Kỹ năng này được thể hiện ở khả năng dựa vào sự biểu lộ bên ngoài nào đó như sắc thái biểu cảm, ngữ điệu, thanh điệu của ngôn ngữ, cử chỉ, động tác, thời điểm và không gian giao tiếp mà phán đoán chính xác về nhân cách cũng như một quan hệ giữa chủ thể và đối tượng giao tiếp. Nhóm kỹ năng này còn được phân chia thành các kỹ năng như: Kỹ năng đọc trên nét mặt, cử chỉ, hành vi, lời nói. Kỹ năng chuyển từ tri giác bên ngoài vào nhận biết bản chất bên trong của nhân cách.

- Kỹ năng định vị. Kỹ năng này là khả năng biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết

đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng để có thể hiểu biết đối tác và tạo điều kiện để đối tác chủ động giao tiếp với mình, từ đó biết chọn khoảng cách giữa người giao tiếp với đối tác, chọn thời điểm mở đầu, thời điểm ngừng, tiếp tục hoặc kết thúc giao tiếp.

- Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp. Thể hiện ở kỹ năng làm chủ trạng thái cảm xúc của bản thân, biết tự kiềm chế, che dấu được tâm trạng khi cần thiết, điều chỉnh và điều khiển các diễn biến tâm lý. Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp còn thể hiện ở kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp. Phương tiện giao tiếp chủ yếu và đặc trưng của con người là ngôn ngữ. Việc sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp là một kỹ năng rất quan trọng. Giọng nói của con người có thể nói những lời nói tạo ra niềm tin và hy vọng cũng có thể đưa đến cho người khác sự đau khổ dằn vặt. Như vậy giọng nói trước hết là để diễn đạt một cách chính xác những ý nghĩ, tình cảm của mình, ngoài ra nó là phương tiện giao tiếp để đạt được mục đích đề ra. Ngoài ngôn ngữ thì tác phong, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt, nụ cười cũng bổ sung cho người giao tiếp trong quan hệ với đối tác. Tâm lý học coi giao tiếp là hoạt động có mục đích, có ý thức đặc trưng cho con người. Nội dung giao tiếp rất đa dạng, bao gồm nhiều đề tài khác nhau. Trong quá trình giao tiếp con người sử dụng phương tiện giao tiếp chủ yếu là ngôn ngữ, có sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ. Các giai đoạn giao tiếp được thể hiện trong một pha bao gồm giai đoạn định hướng, giai đoạn tiếp xúc và kết thúc giao tiếp.

#### 2.2.2.2 Giao tiếp tư pháp và kỹ năng giao tiếp tư pháp

Giao tiếp tư pháp là một khái niệm mới. Qua phân tích các đặc trưng và kỹ năng của giao tiếp theo nhận thức từ góc độ tâm lý học, có thể nói rằng đối với giao tiếp tư pháp cũng xuất phát từ những nguyên tắc như nêu ở trên.

Giao tiếp tư pháp trước hết được hiểu là những nguyên tắc, những biện pháp và kỹ năng tác động lẫn nhau giữa các thành viên

hội đồng xét xử (thẩm phán, hội thẩm nhân dân) với những người tham gia tố tụng khác. Mục đích của giao tiếp tư pháp là tạo nên mối liên hệ hai chiều và/ hoặc đa chiều trong quá trình xét xử để thực hiện tốt quá trình đó. Trong giao tiếp tư pháp thông thường cũng bao gồm các giai đoạn như: i) Giai đoạn định hướng trước khi thực hiện giao tiếp. ii) Giai đoạn mở đầu của quá trình giao tiếp. iii) Giai đoạn điều chỉnh, điều khiển và phát triển quá trình giao tiếp và iv) Giai đoạn phân tích hệ thống giao tiếp đã được thực hiện và xây dựng mô hình cho giai đoạn giao tiếp tiếp theo.

Kỹ năng giao tiếp tư pháp cũng được hiểu là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của những người tham gia tố tụng và người thực hiện giao tiếp, đồng thời sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích của quá trình xét xử. Có thể phân biệt thành 3 nhóm kỹ năng sau đây:

#### **\* Nhóm thứ nhất, kỹ năng định hướng giao tiếp tư pháp**

Kỹ năng này được biểu hiện ở khả năng dựa vào sự biểu lộ bên trong thông qua các sắc thái biểu cảm, ngữ điệu, thanh điệu của ngôn ngữ, cử chỉ, động tác, thời điểm, không gian giao tiếp mà phán đoán chính xác về nhân cách cũng như mối quan hệ giữa chủ thể (thẩm phán và hội thẩm nhân dân) với đối tượng (những người tham gia tố tụng khác). Nhóm kỹ năng này có thể phân chia thành các nhóm kỹ năng nhỏ hơn như kỹ năng đọc trên nét mặt, cử chỉ, hành vi, lời nói; kỹ năng chuyển từ tri giác cái bên ngoài đến cái bản chất bên trong của nhân cách đối tượng.

- *Kỹ năng đọc trên nét mặt, cử chỉ, hành vi, lời nói*

Hoạt động xét xử là một quá trình diễn ra liên tục, trực tiếp và bằng lời nói. Thẩm phán và hội thẩm nhân dân trực tiếp và công khai tiến hành các hành vi tố tụng tại phiên

toà để khai thác tối đa các tình tiết thực tế của vụ án nhằm đưa ra một bản án, quyết định đúng đắn, kịp thời và có khả năng thi hành cao. Khi xét xử, hội thẩm nhân dân cần rèn luyện kỹ năng đọc được ý nghĩ của người tham gia tố tụng (nhất là của đương sự, bị cáo, người bị hại...) để định hướng giao tiếp. Nét mặt, cử chỉ, hành vi, lời nói là những biểu hiện ra bên ngoài những suy nghĩ, tình cảm, suy tư, cảm xúc bên trong của đối tượng, nếu nắm bắt và phán đoán suy nghĩ, tình cảm đó thì thẩm phán và hội thẩm nhân dân có thể đặt những câu hỏi trúng, đúng và trên cơ sở đó tạo cơ hội cho đối tượng trả lời dễ dàng, chính xác các câu hỏi. Trên cơ sở định hướng đúng được đối tượng qua quá trình giao tiếp. Thẩm phán và hội thẩm nhân dân cũng có thể điều chỉnh hành vi giao tiếp của bản thân thông qua nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành vi. Đây là những tín hiệu có thể ví như những tín hiệu đèn xanh hay đèn đỏ trong giao tiếp. Nếu biết đối tượng đang phân vân, chưa muốn thổ lộ, thẩm phán phán đoán được suy nghĩ đó có thể thể hiện sự khuyến khích, đồng tình của mình thông qua những biểu hiện bên ngoài để đối tượng mạnh dạn trình bày với Hội đồng xét xử. Như vậy giao tiếp trong trường hợp này thể hiện tính hai mặt, có tác động tương hỗ, qua lại chứ không chỉ đơn thuần từ phía đối tượng. Thông qua các biểu hiện bên ngoài của thẩm phán và hội thẩm nhân dân, hoạt động xét xử được hiểu như là một quá trình hình thành, phát triển và tích lũy văn hoá ứng xử.

- *Kỹ năng chuyển từ sự tri giác bên ngoài vào nhận biết bên trong của nhân cách*

Hoạt động xét xử là một hoạt động sáng tạo trên cơ sở độc lập và tuân theo pháp luật của thẩm phán. Hoạt động này hoàn toàn không mang tính thụ động hay bị chi phối bởi quy luật khách quan mà đây hoàn toàn là một hoạt động mang tính tri thức chủ quan của con người. Vì vậy, qua quá trình giao tiếp tư pháp, người thẩm phán và hội thẩm nhân dân cần biết chuyển hoá sự nhận biết

bên ngoài thành nhận biết bản chất bên trong của nhân cách, biết lợi dụng hoàn cảnh và tình huống để đạt được mục đích. Đây luôn luôn là một quá trình hai mặt. Những biểu hiện bên ngoài của đối tượng không phải lúc nào cũng biểu hiện đúng suy nghĩ, tâm tư nguyện vọng hay nhân cách bên trong của đối tượng. Các đương sự hoặc các bị cáo nhiều lúc tìm cách che giấu những cảm xúc hoặc những suy nghĩ bên trong của họ để ngăn cản quá trình xét hỏi, làm cho thẩm phán làm sai lệch vấn đề từ đó tuyên một bản án không phù hợp. Để tránh tình trạng đó, thẩm phán và hội thẩm nhân dân cần được rèn luyện về khả năng chuyển từ sự tri giác bên ngoài sang nhận biết bản chất bên trong của nhân cách.

Trong hoạt động xét xử, qua quá trình giao tiếp tư pháp bản thân Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân cũng có lúc bức tức, cáu giận... Văn hoá xét xử thông qua quá trình giao tiếp đúng đắn trong quá trình xét xử.

#### **\* Nhóm thứ hai, kỹ năng định vị của giao tiếp tư pháp**

Hoạt động xét xử về nguyên tắc là một hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước. ở đây rõ ràng hình thành ít nhất hai thái cực: thái cực của người tiến hành tố tụng và thái cực của người tham gia tố tụng. Quyền lực nhà nước được duy trì giữa hai thái cực đó để cuối cùng Toà án ra một bản án hoặc quyết định có hiệu lực cưỡng chế thi hành án. Tuy vậy, trong quá trình giao tiếp tư pháp mục đích là duy trì được mối quan hệ quyền uy như vừa nêu nhưng đồng thời cũng phải tạo ra được mối quan hệ bình đẳng theo pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ. Kỹ năng định vị trong giao tiếp tư pháp là khả năng biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng để tạo mối quan hệ bình đẳng, giúp đối tượng có điều kiện chủ động tham gia quan hệ giao tiếp. Kỹ năng định vị trong giao tiếp còn thể hiện ở chỗ xác định đúng không gian và thời gian giao tiếp. Biết chọn thời điểm mở đầu và kết thúc giao tiếp, đưa ra được những câu hỏi gợi ý thích hợp hoặc biết ngắt lời khi cần

thiết mà vẫn giữ được quá trình giao tiếp có văn hoá và đúng pháp luật.

**\* Nhóm thứ ba, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp tư pháp** thể hiện ở chỗ biết thu hút đối tượng tham gia giao tiếp để tự nguyện trả lời các câu hỏi của hội đồng xét xử, biết duy trì giao tiếp theo đúng hướng, biết làm chủ trạng thái cảm xúc của mình và biết sử dụng các phương tiện giao tiếp. Đây là một kỹ năng giao tiếp rất quan trọng đối với các thành viên của hội đồng xét xử. Kỹ năng làm chủ trạng thái cảm xúc của bản thân thể hiện ở chỗ tự biết kiềm chế, che dấu được tâm trạng của mình khi cần thiết, điều chỉnh và điều khiển các diễn biến tâm lý của mình và các phương pháp tiến hành giao tiếp. Kỹ năng này thể hiện quá trình giao tiếp tư pháp song phương qua đó thẩm phán và hội thẩm nhân dân không những phải biết tâm trạng của đối tượng mà còn phải biết tâm trạng của mình, tìm hiểu nhu cầu, hứng thú của đương sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp tư pháp còn thể hiện qua kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp như ngôn ngữ, tác phong, điệu bộ, nét mặt, nụ cười... Phiên tòa không phải là sân diễn, tuy vậy trong nhiều trường hợp thẩm phán là người nghệ sỹ. Vì vậy, giọng nói, điệu bộ, sắc thái, ánh mắt... đều gây ấn tượng trong giao tiếp tư pháp. Vì vậy cần phải tận dụng các cơ hội để đạt được mục đích tối đa trong giao tiếp tư pháp. Đó là biểu hiện cao của văn hoá tư pháp. Tránh tối đa các câu hỏi tối nghĩa, cục cằn, thô bạo. Các câu hỏi đưa ra làm sao để đi vào lòng người, khơi dậy trong đối tượng giao tiếp tư pháp bản chất người của họ để họ tham gia giao tiếp tư pháp tốt nhằm đạt được mục đích của quá trình xét xử là tuyên một bản án hợp lòng người, khách quan, đúng pháp luật và có khả năng thi hành cao.

2.2.2.3 Kỹ năng giao tiếp tư pháp thông qua các hành vi cụ thể của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử

**\* Giao tiếp tư pháp trong giai đoạn thủ tục bắt đầu của phiên tòa:** Trong giai đoạn này, thẩm phán và hội thẩm nhân dân chủ yếu sử dụng kỹ năng định hướng giao tiếp và kỹ năng định vị trong giao tiếp. Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp cũng có thể thực hiện thông qua hoạt động sử dụng phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ. Trong giai đoạn này cần thể hiện thái độ tôn nghiêm nhưng gần gũi tạo không khí uy nghiêm nhưng không quá căng thẳng tránh dùng các lời lẽ cứng nhắc hoặc thô lỗ, thô thiển, gây cảm giác nặng nề trong phiên tòa.

**\* Trong giai đoạn xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân buộc phải sửa đổi cả ba kỹ năng nêu trên.** Kỹ năng định hướng để tìm hiểu bản chất nhân cách bên trong của đối tượng giao tiếp. Kỹ năng định vị để xác định vị trí của các chủ thể giao tiếp, cụ thể là phân biệt vị trí tố tụng của thành phần những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trên cơ sở đó tạo điều kiện để thực hiện kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp được sử dụng thường xuyên trong giai đoạn này vì Thẩm phán vừa phải làm chủ trạng thái cảm xúc vừa sử dụng phương tiện ngôn ngữ để khai thác tối đa các tình tiết thực tế của vụ án.

Tóm lại, văn hoá xét xử như đã phân tích ở trên là một khái niệm tương đối mới. Tuy vậy, nó cũng không nằm ngoài khái niệm về văn hoá nói chung, đặc biệt là văn hoá ứng xử và văn hoá giao tiếp. Thực hiện và sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp làm hình thành, phát triển và tôn vinh văn hoá xét xử. Cho đến nay ở nhiều địa phương, nhiều thẩm phán và hội thẩm nhân dân vẫn chưa quan tâm đúng mức đến văn hoá xét xử. Cần phải có những chương trình đào tạo bồi dưỡng để nâng cao và phát triển vốn văn hoá xét xử đang tiềm tàng trong mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là những người làm công tác pháp luật.